

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2020/TLST-HN ngày 31 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HN ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thái Tr**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 32 đường số 7, Khu dân cư X, Phường A, thành phố T, tỉnh L (xin vắng mặt).

2.Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc L**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp B, xã TN, huyện TT, tỉnh L1. Là phạm nhân đang chấp hành án tại Trại giam MP-Cục C. Địa chỉ: Khu phố MĐ, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thái Tr trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, chị và anh L được sự chấp thuận của hai bên gia đình anh chị tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố T, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2012 vào sổ quyền số 01/2012 ngày 07-6-2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc

được thời gian đầu, thời gian sau này anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không còn chung lo kinh tế gia đình nữa, hiện nay anh L đang chấp hành án tại Trại giam MP, Cục C. Nay chị xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc L.

Về nuôi con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

***Tại bản tự khai anh Nguyễn Quốc L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thái Tr kết hôn năm 2012 đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn như chị Tr trình bày là đúng. Vợ chồng đã ly thân, hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam MP, Cục C. Nay chị Tr xin ly hôn anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Thái Tr tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Quốc L, hiện nay anh L đang chấp hành án tại Trại giam MP, địa chỉ: Khu phố MĐ, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thái Tr và bị đơn anh Nguyễn Quốc L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227,

khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thái Tr và anh Nguyễn Quốc L kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân Phường A, thành phố T, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh L là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa chị Tr và anh L sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình; sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Thời gian anh chị ly thân đã lâu, nay chị Tr xin ly hôn anh L đồng ý, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thái Tr.

[4] Về nuôi con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Thái Tr phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thái Tr và anh Nguyễn Quốc L.
2. Về nuôi con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.
4. Về án phí: Chị Trần Thị Thái Tr phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20341 ngày 30-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Tr đã nộp đủ án phí HNST.
5. Quyền kháng cáo: Chị Tr, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND Phường A, thành phố T, tỉnh L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền